TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 7 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn và con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Kim Cúc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Viết Oanh

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại phòng xử án - Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2020/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn và con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐXXST –HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Châu Thị Mỹ L (tên gọi khác Phương) – Sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà xxx, buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Huy P – Sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà xxx, buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn khởi kiện và tại bản tự khai - Nguyên đơn bà Châu Thị Mỹ L trình bày:** Bà và ông Huỳnh Huy P có tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 26/9/1990 tại Uỷ ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Ông bà chung sống hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hay cãi nhau. Hiện nay bà và ông Phong đã

sống ly thân được 2 năm. Xét thấy tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Huy P.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau bà Châu Thị Mỹ L và ông Huỳnh Huy P có 02 con chung là cháu Huỳnh Lê M - Sinh ngày 17/01/1999 và cháu Huỳnh Châu Huệ M1 - Sinh ngày 07/4/2005. Cháu Huỳnh Lê M đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Huỳnh Châu Huệ M1 thì bà L có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành.

Hiện bà Châu Thị Mỹ L làm việc tại nhà, thu mua nông sản có thu nhập bình quân 20.000.000 đồng/tháng.

Về cấp dưỡng: Bà L không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Châu Thị Mỹ L tự thỏa thuận tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 22/4/2020 - Bị đơn ông Huỳnh Huy P trình bày: Ngày 26/9/1990 ông có đăng ký kết hôn với bà Châu Thị Mỹ L tại Uỷ ban nhân dân xã H, thành phố B trên cơ sở tự nguyện. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng hay cãi vã. Bà L làm đơn ly hôn thì ông P không đồng ý, đề nghị Tòa án hòa giải để đoàn tụ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau bà Châu Thị Mỹ L và ông Huỳnh Huy P có 02 con chung là cháu Huỳnh Lê M - Sinh ngày 17/01/1999 và cháu Huỳnh Châu Huệ M1 - Sinh ngày 07/4/2005. Cháu Huỳnh Lê M đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu Huỳnh Châu Huệ M1 nếu Tòa giải quyết ly hôn thì ông P đồng ý giao cháu cho mẹ chăm sóc nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Vợ chồng tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Châu Thị Mỹ L yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Huy P, nơi cư trú tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn và con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn ông Huỳnh Huy P đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị Mỹ L và ông Huỳnh Huy P tự nguyện tìm hiểu, đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 26/9/1990

tại Uỷ ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà Châu Thị Mỹ L và ông Huỳnh Huy P chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là giữa hai người bất đồng quan điểm, không cùng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi vã nhau. Do đó, bà L đã nộp đơn đề nghị giải quyết xin ly hôn với ông P. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng ông P vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương, nơi bà Châu Thị Mỹ L và ông Huỳnh Huy P chung sống. Đại diện chính quyền địa phương cho biết*:"Hiện bà L và ông P đang cư trú tại địa chỉ xã E, thành phố B. Về mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không nắm được do ông bà không báo chính quyền địa phương hòa giải. Nay bà L làm đơn đề nghị xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật"*.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, việc ông P không đến tham gia vào buổi hòa giải và phiên xét xử của Tòa, đã thể hiện việc ông P không có ý định hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này, từ đó cho thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Châu Thị Mỹ L, cho bà L được ly hôn với ông Huỳnh Huy P.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau bà Châu Thị Mỹ L và ông Huỳnh Huy P có 02 con chung là cháu Huỳnh Lê M - Sinh ngày 17/01/1999 và cháu Huỳnh Châu Huệ M1 - Sinh ngày 07/4/2005. Hiện cháu M đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với cháu Huỳnh Châu Huệ M1 - Sinh ngày 07/4/2005, hiện đang ở với mẹ, nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ vì mẹ chăm sóc con cháu tốt hơn. Ông Huỳnh Huy P đồng ý giao cháu M1 cho mẹ chăm sóc nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà L về việc được nuôi cháu M1 là phù hợp với thực tế, nguyện vọng của con chung và đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần giao cháu Huỳnh Châu Huệ M1- Sinh ngày 07/4/2005 cho mẹ là bà Châu Thị Mỹ L chăm sóc, nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành là có căn cứ.

[2.3] Về cấp dưỡng: Nguyên đơn bà Châu Thị Mỹ L không yêu cầu ông Huỳnh Huy P cấp dưỡng, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Châu Thị Mỹ L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Châu Thị Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định, bị đơn ông Huỳnh Huy P không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Châu Thị Mỹ L

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị Mỹ L được ly hôn với ông Huỳnh Huy P.

2. Về con chung: Cháu Huỳnh Lê M - Sinh ngày 17/01/1999, hiện đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

Giao cháu Huỳnh Châu Huệ M1 - Sinh ngày 07/4/2005 cho mẹ là bà Châu Thị Mỹ L chăm sóc, nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành.

Ông Huỳnh Huy P có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Châu Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà bà Châu Thị Mỹ L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0007612 ngày 19/3/2020 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi Cục THADS Tp. BMT;
- Đương sự;
- UBND xã H, Tp.BMT, T. Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ tại tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Cúc